

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 350/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Phan Minh D, sinh năm 1975.

- Chị Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Minh D và chị Nguyễn Thị Lệ H tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Nay, anh D và chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh D và chị H.

[2] Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung tên Phan Quỳnh D, sinh ngày 20/02/2009 và Phan Minh C, sinh ngày 03/3/2015. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận anh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Quỳnh D cho đến khi tròn 18 tuổi. Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Minh C cho đến khi tròn 18 tuổi. Chị H, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh D và chị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh D và chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm chị H tự nguyện chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh D và chị Nguyễn Thị Lệ H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung tên Phan Quỳnh D, sinh ngày 20/02/2009 và Phan Minh C, sinh ngày 03/3/2015. Sau khi ly hôn anh D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Quỳnh D cho đến khi tròn 18 tuổi. Chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Minh C cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị H, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở. Vì lợi ích của con một hoặc hai bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D và chị H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

- Về nợ chung: Anh D, chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H tự nguyện chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Do chị H đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nên được khấu trừ theo biên lai số 0003232 ngày 21/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

* Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng